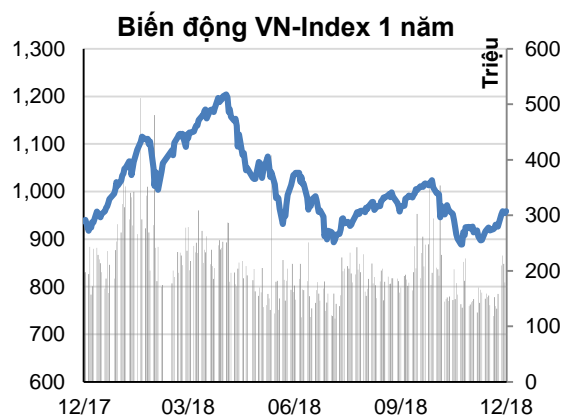


Biến động thị trường

	10/12	1T (%)	3T (%)
VN Index	956	4.5%	-1.5%
GTGD	4,962	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	41	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Trái phiếu và Hàng hóa

	10/12	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.117%	4.388%	4.383%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.383%	4.645%	4.603%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.155%	5.205%	5.238%
Dầu WTI (\$/thùng)	51.82	60.19	67.54
Vàng (\$/oz)	1,247	1,210	1,196

Nguồn: Bloomberg

Phạm Tấn Phát

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1468

phat.pt@kisvn.vn

www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464

hieu.ttm@kisvn.vn

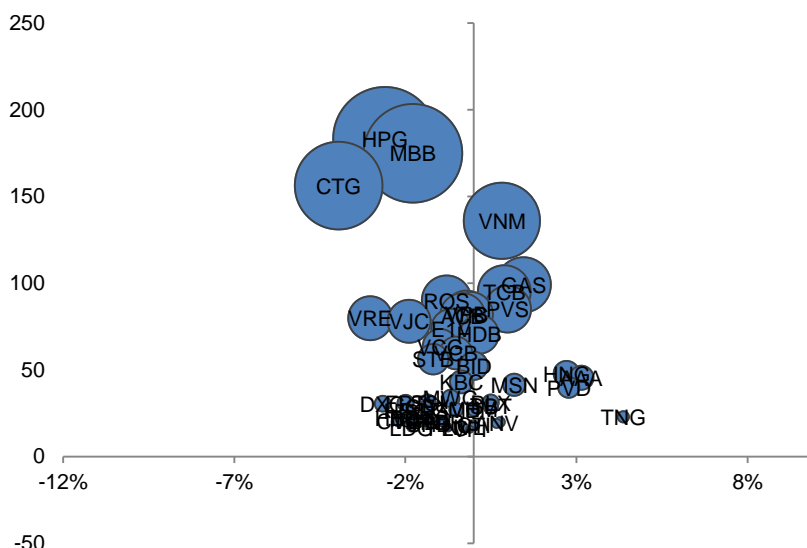
www.kisvn.vn

Thị trường sideway

- Thị trường chứng khoán đi ngang khi các cổ phiếu vốn hóa lớn phân hóa phiên hôm nay. Chỉ số VN-Index mất 0.28% khi đóng cửa ở mức 956 điểm trong khi khối lượng giao dịch đạt 124 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 2,796 tỷ đồng giá trị.
- Bên bán chiếm ưu thế với số mã giảm vượt trội trên sàn HSX, 164 mã giảm và 119 mã tăng. Chỉ số VN30-Index giảm 0.3% với 22 cổ phiếu trong rổ đóng cửa trong sắc đỏ.
- Ngân hàng và bất động sản đều diễn biến tiêu cực với áp lực trên VCB, CTG, MBB, STB và VRE. Ngoài ra, CTD, FPT, HPG, HSG, KDC, PNJ, SSI và VJC giảm hơn 1%.
- Trái lại, thực phẩm thiết yếu và dầu khí đi ngược xu hướng chung khi các cổ phiếu trụ tăng trưởng, GAS (+1.5%), PVD (+ 2.8%), PVS (+ 1%), MSN (+ 1.2%) và VNM (+ 0.8%).
- Nhà đầu tư nước ngoài quay lại mua ròng với giá trị 41 tỷ đồng trên sàn HSX. E1VFN30, VNM và BID được mua nhiều nhất với giá trị lần lượt là 114 tỷ đồng, 57 tỷ đồng và 21 tỷ đồng. Về phía bán, HPG, VIC và VJC đứng đầu danh sách.
- ETFs review-4Q2018. FTSE đã công bố kết quả đảo danh mục quý 04 cho FTSE Viet Nam Index. Theo đó, HNG sẽ được thêm vào trong khi DXG, HBC và HSG sẽ bị loại ra. Ngày thực hiện cơ cấu danh mục cuối cùng của quỹ là 21/12/2018.

Nhận định thị trường: VN-Index dao động trong biên độ hẹp khi kiểm định lại đường xu hướng giảm trung hạn. Sự thận trọng gia tăng do các bên chờ đợi tín hiệu xác nhận xu hướng. Vì thế, nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục cổ phiếu hiện tại và tập trung vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt. Nếu xuất hiện tín hiệu tiêu cực, nhà đầu tư nên cân nhắc chốt lời.

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-945

Kháng cự 1: 960-964

Hỗ trợ 2: 880-890

Kháng cự 2: 1,020-1,030

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày - VN-Index



VN-Index biến động trong biên độ hẹp với mẫu hình nền trung tính Doji. Dòng tiền suy yếu trong phiên hôm nay với 129 triệu đơn vị dưới mức trung bình 10 phiên gần nhất.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), VN-Index đang xuất hiện các tín hiệu điều chỉnh với mẫu hình nền Shooting Star hình thành từ vùng giá 960-966 điểm. Mặc dù giao dịch cân bằng hôm nay nhưng chỉ số vẫn đang ở dưới vùng cản kỹ thuật kể trên. Đây là vùng giá hội tụ cận trên của đường kênh giá tăng kể từ đầu tháng 11/2018 và trendline kháng cự trung hạn. Chỉ báo RSI tiếp tục suy yếu và đang cắt xuống MA(5) của chỉ báo. Chỉ số có thể quay lại xu hướng điều chỉnh nếu giá suy yếu từ vùng cản 960-966 điểm.

Ở góc độ trung hạn (3 tháng), VN-Index đang đi ngang kể từ giữa tháng 05/2018 cho tới nay. Nhịp hồi phục hiện tại vẫn đang ở dưới vùng cản trung hạn quanh 960-966 điểm. Chúng tôi tiếp tục bảo lưu quan điểm thận trọng cho tới khi tín hiệu bứt phá thành công hình thành lên trên khỏi đường xu hướng tăng trung hạn.

Hành động

VN-Index tiếp tục gặp lực cản từ vùng cản kỹ thuật 960-966 điểm trong khi chỉ báo xung lực cũng đang cho tín hiệu suy yếu. Nhà đầu tư có thể cân nhắc chốt lời nếu chỉ số tiếp tục thoái lui từ vùng 960-966 điểm và phá vỡ luôn ngưỡng 950 điểm.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	956	-2.70	-0.3%	SL CP tăng giá	119
KLGD ('000 cổ phiếu)	213,518	23,062	12.1%	SL CP giảm giá	164
GTGD (tỷ VND)	4,962	623	14.4%	SL CP không đổi	91

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
VNM	135,000	1,100	1.20	VHM	80,000	0	-1.463	HPG	33,750	5.40	183.4
GAS	97,700	1,400	0.72	TCB	28,250	250	-0.164	MBB	22,100	7.88	174.9
VCB	56,900	-300	0.34	EIB	13,800	-100	-0.154	CTG	23,100	6.68	156.2
ROS	37,500	-300	0.31	DPM	20,800	-200	-0.098	VNM	135,000	1.00	136.0
MSN	85,600	1,000	0.29	SJD	22,500	-500	-0.089	GAS	97,700	1.02	99.0

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Dịch vụ tiện ích	1.2%	0.81
TD không thiết yếu	0.9%	-0.12
TD thiết yếu	0.7%	1.23
Năng lượng	0.7%	0.19

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Nguyên vật liệu	-1.4%	-0.66
CNTT	-1.4%	-0.13
Công nghiệp	-0.9%	-0.80
Tài chính	-0.8%	-2.00
Khác	-0.7%	-0.02

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	107	-0.32	-0.3%	SL CP tăng giá	80
KLGD ('000 cổ phiếu)	29,047	-7,335	-20.2%	SL CP giảm giá	76
GTGD (tỷ VND)	433	-71	-14.1%	SL CP không đổi	214

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
VCS	74,900	-300	0.07	ACB	30,500	-100	-0.25	PVS	20,400	4.15	85.0
DGC	48,800	0	0.06	HHC	65,000	-7,200	-0.07	ACB	30,500	2.67	81.3
SHS	14,400	-200	0.06	PVS	20,400	200	-0.07	VCG	20,200	3.15	63.6
DBC	26,700	-500	0.03	VCG	20,200	-200	-0.03	SHS	14,400	1.78	25.7
PHP	11,800	0	0.03	PVX	1,100	100	-0.02	TNG	19,100	1.22	23.0

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
CNTT	50.7%	-0.01
TD không thiết yếu	13.3%	0.00
Nguyên vật liệu	8.1%	-0.02
Bất động sản	7.3%	0.00
Năng lượng	7.1%	0.10

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Tài chính	-0.5%	-0.26
Khác	-0.2%	-0.1%

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
E1VFN30	15,200	119.3	4.6	114.7
VNM	135,000	109.2	51.3	57.9
BID	33,700	23.2	1.3	21.9
KBC	13,700	12.0	0.2	11.8
MSN	85,600	22.0	12.4	9.6

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HPG	33,750	38.5	95.4	-56.9
VIC	102,100	21.1	61.1	-40.0
VJC	129,900	0.9	25.3	-24.4
GAS	97,700	18.1	40.1	-22.0
CTD	155,000	2.5	9.2	-6.7

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

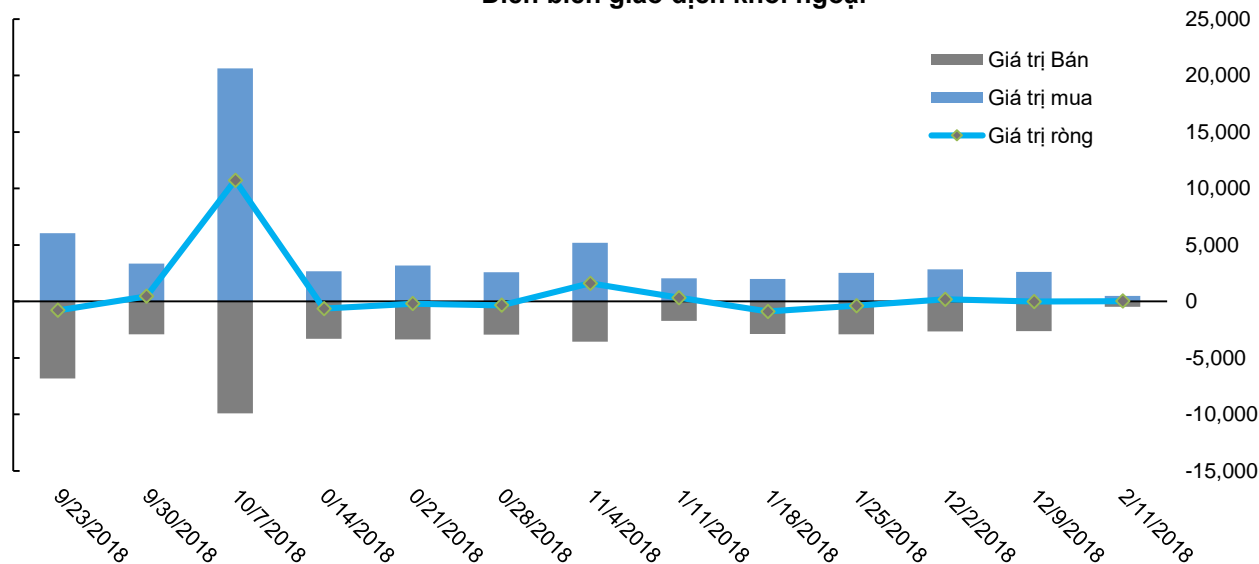
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
TNG	19,100	2.2	0.0	2.2
SDT	5,500	0.3	0.0	0.3
PMC	58,200	0.1	0.0	0.1
THT	8,100	0.1	0.0	0.1
NET	26,900	0.1	0.0	0.1

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VC3	24,000	0.0	4.8	-4.8
PVS	20,400	0.8	3.2	-2.4
PVB	18,700	0.0	0.7	-0.7
VGC	17,400	0.0	0.5	-0.5
WCS	129,000	0.0	0.1	-0.1

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

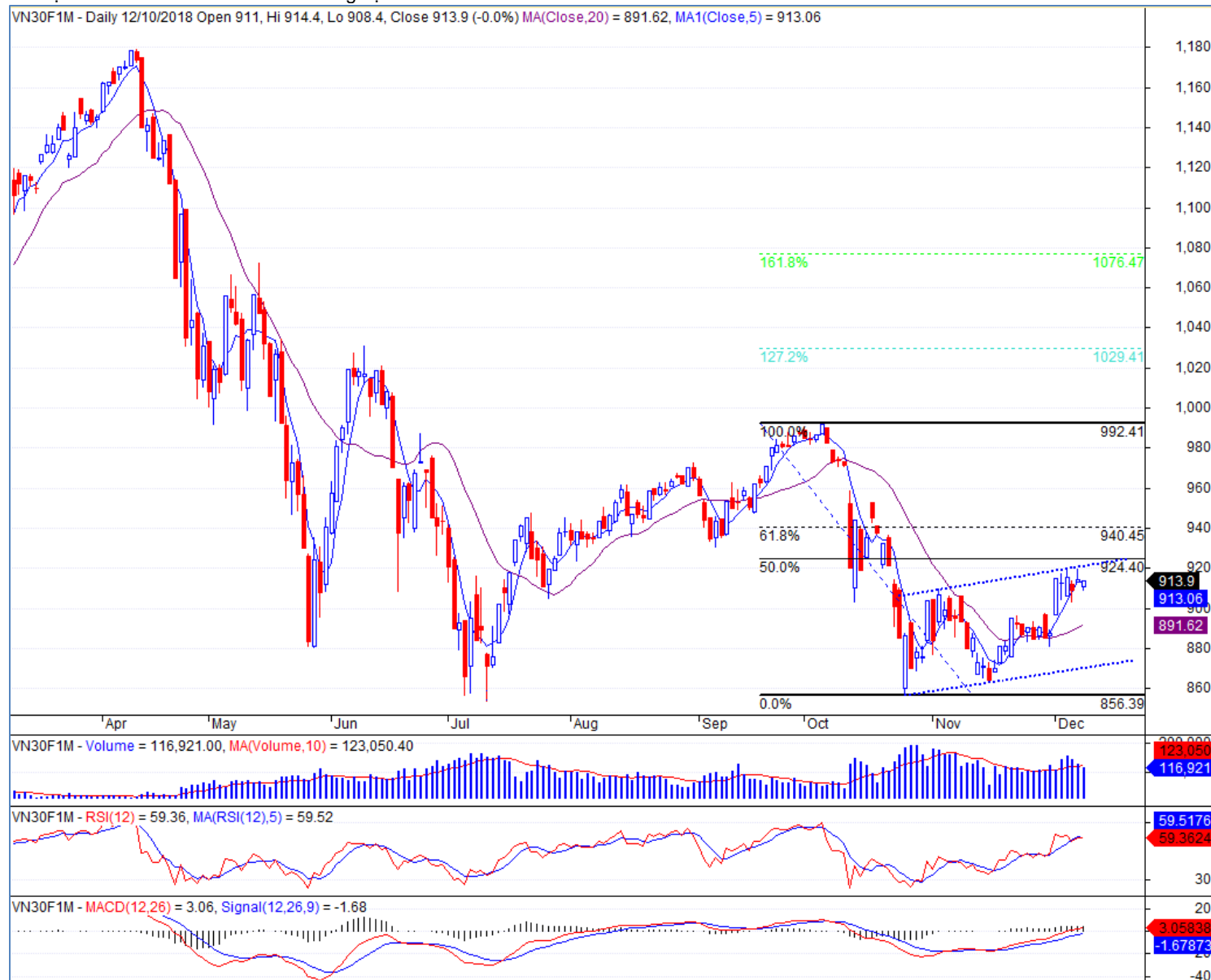
Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 913

Kháng cự 1: 930

Hỗ trợ 2: 890

Kháng cự 2: 943



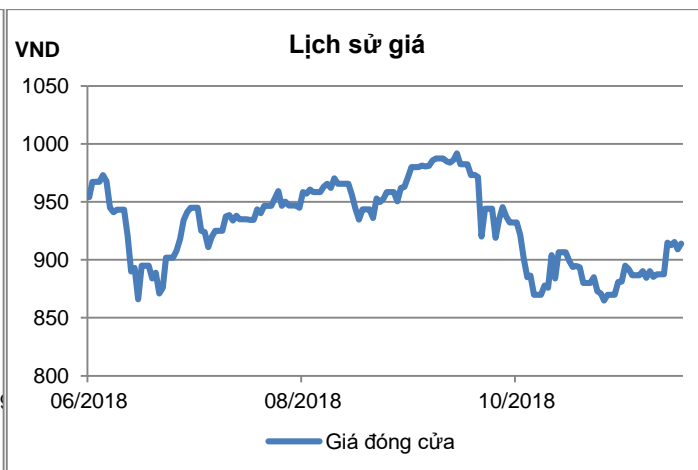
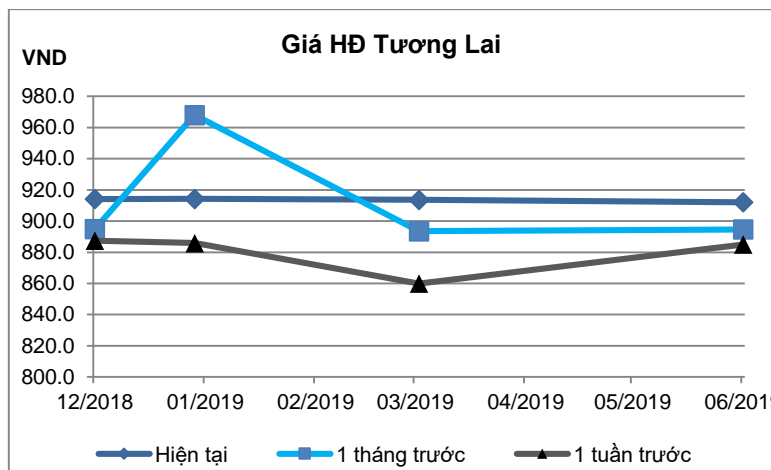
Nhận định xu hướng: VN30F1M (hợp đồng tháng 12) hồi phục phiên hôm nay nhưng giá đang đóng cửa dưới MA(5). Ngoài ra, giá đang gặp lực cản từ cận trên của kênh giá tăng ngắn hạn (vùng 919-920 điểm). Chỉ báo RSI cũng vừa chạm cắt xuống đường MA (5). Nhìn chung, tín hiệu kỹ thuật đang cho tín hiệu của nhịp điều chỉnh đang hình thành. Mục tiêu của VN30F1M có thể kiểm định lại vùng 870-880 điểm.

Chiến lược đầu tư: Tín hiệu điều chỉnh đang rõ dần. Nhà đầu tư nên ưu tiên vị thế Short ở nhịp hồi phục của giá.

- Short VN30F1812 với điểm vào 914-915 điểm. Mục tiêu 900 điểm. Dừng lỗ 918 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	923	-6.8	-0.7%	51,431,880			
VN30F1812	914	-0.2	0.0%	116,921	16,153	20/12/2018	12
VN30F1901	912	-2.2	-0.2%	736	522	17/01/2019	40
VN30F1903	913	-0.7	-0.1%	38	160	21/03/2019	103
VN30F1906	911	-1.0	-0.1%	84	169	20/06/2019	194



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.2	1.9	172	77%	95,900	51,200
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.8%	26,400	6,460	79.5	1.3	652	54%	39,500	22,600
CTD	CTCP Xây dựng Cotecccons	Công nghiệp	1.2%	155,000	12,120	7.7	1.5	111	44%	233,100	120,400
CTG	NH TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.5%	23,100	86,011	11.2	1.2	4,288	30%	38,250	19,950
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.5%	84,000	10,983	20.8	3.7	154	49%	118,000	81,000
DPM	TCT CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.6%	20,800	8,140	13.9	1.0	563	21%	26,600	16,100
FPT	CTCP FPT	CNTT	3.5%	44,200	27,119	8.3	2.3	677	49%	56,957	38,500
GAS	TCT Khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	1.6%	97,700	186,993	15.1	4.4	517	3%	136,400	70,000
GMD	CTCP Gemadept	Công nghiệp	1.3%	29,000	8,611	4.6	1.5	1,214	49%	39,473	23,000
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	7.4%	33,750	71,682	7.8	1.8	5,217	39%	48,429	27,143
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.3%	7,520	2,894	7.1	0.6	5,073	16%	26,136	6,300
KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.5%	25,000	5,142	N/A	0.9	149	22%	45,800	24,250
MBB	NH TMCP Quân đội	Tài chính	4.5%	22,100	47,746	9.3	1.5	5,999	20%	31,471	18,782
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.8%	85,600	99,566	15.8	5.1	829	40%	118,000	67,400

MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.3%	88,000	37,874	13.6	4.6	646	49%	101,553	73,502
NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.8%	68,300	61,979	28.8	3.6	479	8%	78,800	46,565
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.2%	61,400	71,151	18.7	3.6	684	11%	95,500	51,800
PNJ	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.3%	96,800	16,166	17.8	4.6	450	49%	138,733	75,000
REE	CTCP Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.0%	33,050	10,247	6.5	1.2	506	49%	44,750	29,150
ROS	CTCP Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	0.9%	37,500	21,285	29.0	3.7	1,679	2%	151,417	35,000
SAB	TCT CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.1%	248,000	159,038	35.9	9.6	35	10%	321,000	193,800
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1.0%	20,150	9,983	23.2	1.7	2,902	11%	24,600	13,300
SSI	CTCP Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.5%	29,250	14,601	10.1	1.5	2,775	58%	44,400	24,850
STB	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.7%	12,500	22,546	16.8	0.9	8,048	13%	17,300	9,670
VCB	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	3.5%	56,900	204,713	16.9	3.3	1,441	21%	76,500	41,600
VIC	Tập đoàn Vingroup	Bất động sản	10.8%	102,100	325,865	74.7	5.9	849	9%	113,058	57,025
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	Công nghiệp	6.1%	129,900	70,355	13.7	6.6	659	24%	191,167	107,083
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	10.7%	135,000	235,092	27.0	9.2	897	59%	179,167	111,500
VPB	NH Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	7.2%	22,650	55,645	8.0	1.8	4,004	23%	43,259	18,850
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	32,000	74,522	49.6	2.9	1,851	39%	50,204	27,918

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
11/12/2018	PPC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (1,500đ/cp)
11/12/2018	D2D	HSX	Chi tạm ứng cổ tức năm 2018 (1,500đ/cp)
11/12/2018	VAF	HSX	Chi trả tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2018 (500đ/cp)
11/12/2018	MDG	HSX	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (500đ/cp)
11/12/2018	MH3	Upcom	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
11/12/2018	MSH	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (4,000đ/cp)
11/12/2018	HKP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
11/12/2018	CAV	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (1,500đ/cp)
12/12/2018	TID	Upcom	Giao dịch 200,000,000 cổ phiếu đăng ký giao dịch
12/12/2018	NTC	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
13/12/2018	ICN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,500đ/cp)
13/12/2018	PAC	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2018 (700đ/cp)
13/12/2018	HVT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3,500đ/cp)
13/12/2018	UIC	HSX	Tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2018 (1,400đ/cp)
13/12/2018	DRC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (300đ/cp)
13/12/2018	KBE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000đ/cp)
13/12/2018	VEC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
13/12/2018	HC3	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000đ/cp)
13/12/2018	PHR	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1,500đ/cp)
13/12/2018	GDT	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 (1,500đ/cp)
13/12/2018	DBM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,200đ/cp)
13/12/2018	BRR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250đ/cp)
14/12/2018	XHC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp)
14/12/2018	NVL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	DGC	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	QBR	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	ISH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)
14/12/2018	NFC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR
Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM
Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (+84 24) 3974 4448
Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định chế
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.